TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Ninh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Miến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải**- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 177/2025/TLST-HNG§ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST- HNGĐ ngày 28/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị N, sinh năm 1985; có mặt.
Nơi ĐKTT: Thôn Đ Q, xã TP, Thành phố Hà Nội;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; vắng mặt.
Nơi ĐKTT: Thôn Đ Q, xã TP, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2025 cùng bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án của nguyên đơn là chị Mai Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện vào năm 2012 tại UBND xã HB, huyện TT, TP Hà Nội, nay là xã TP, TP Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã do bất đồng quan điểm trầm trọng. Chị và anh T đã ly thân từ

đầu năm đến nay. Chị xác định đã hết tình cảm vợ chồng với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/3/2013 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 23/9/2014. Hiện cả hai con đang ở với bố. Ly hôn, chị đồng ý giáo cả hai cháu cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu vì các cháu vẫn đang sinh sống, học tập ổn định tại xã TP, tôi đồng ý cấp dưỡng cho 2 cháu số tiền 5 triệu đồng. Về tài sản, C nợ: Không có.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T, Tòa án không ghi được ý kiến của anh T với lý do: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa. Ngày 11/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 –Hà Nội cùng C an xã TP đã đến nơi cư trú của anh T tại thôn thôn Đông Q, xã TP, TP. Hà Nội để lấy lời khai ghi ý kiến của anh T về việc yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh T không có mặt tại nhà. Do vậy, Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của bà Phan Thị Bé là mẹ đẻ của anh T.

Bà Bé trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T. Năm 2012 anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Mai Thị N và sinh được 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh năm 2013 và Nguyễn Văn V, sinh năm 2014. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng về chuyện kinh tế, làm ăn. Chị N bỏ nhà đi từ tết âm lịch đến nay, vợ chồng ly thân từ đó. Gia đình đã động viên, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T, việc này do chị N và anh T quyết định. Nếu ly hôn, các con ở với ai là tùy nguyện vọng của các cháu và theo quy định pháp luật. Hiện anh T làm lao động tự do, còn chị N buôn bán, thu nhập của cả hai vợ chồng đều không ổn định. Về tài sản và C nợ: Không có gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Mai Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng mỗi tháng cho cả hai con. Về tài sản, C nợ không có gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn và nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu giải quyết quan hệ: Ly hôn và nuôi con. Bị đơn cư trú trên địa bàn xã Q, huyện TT (cũ), nay là xã TP, Thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân huyện TT (cũ), nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện TT (xã HB cũ) vào ngày 17/7/2012, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều thể hiện chị N xin ly hôn, anh T không hợp tác trong quá trình giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của chị N, không đến tham gia phiên hòa giải, chứng tỏ không có thiện chí hòa giải. Theo chị N, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, trong quá trình chung sống, vợ chồng tính tình không hợp và bất đồng về quan điểm sống trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Điều này chứng tỏ mẫu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/3/2013 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 23/9/2014. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì việc giao con cho một bên nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; đối với con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ.

Trong trường hợp này, chị N đồng ý giao cả hai con cho anh T nuôi. Cả hai cháu đều có tình cảm gắn kết chặt chẽ và ở với anh T từ nhỏ đến nay và đều có nguyện vọng được ở với anh T, nên giao cháu Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Văn V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng cho cả hai con chung, kể từ tháng 8/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản, C sức nợ chung: Chị N xác nhận không có. Tuy nhiên, do không ghi được ý kiến của anh Nguyễn Văn T nên về phần tài sản và C nợ chung Tòa án không giải quyết nếu anh T có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Chị Mai Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Mai Thị N.

1.1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/3/2013 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 23/9/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng cho cháu Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Văn V, kể từ tháng 8/2025 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

1.4. Về tài sản chung, C nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Mai Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồ*ng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0059236 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội. Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Mai Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Thị Ninh

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 – Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Hà Nội;
- UBND xã TP;
- Những người tham gia tố tụng.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã Hạ Bằng;
- Những người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Thiết